Đơn vị báo cáo: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 10, QUẬN TÂN BÌNH
Mã QHNS: 1048406

Biểu số 3

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 1 Năm 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
A.	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I.	**Số thu phí, lệ phí**		**62.715.000**		
1.	**Phí**		**43.517.000**		
	+ Phí Chứng thực		43.517.000		
2.	**Lệ phí**		**19.198.000**		
	+ Lệ phí Hộ tịch		19.198.000		
II.	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**				
1.	**Phí**				
2.	**Lệ phí**				
III.	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**		**62.715.000**		
1.	**Phí**		**43.517.000**		
	+ Phí Chứng thực		43.517.000		
2.	**Lệ phí**		**19.198.000**		
	+ Lệ phí Hộ tịch		19.198.000		
B.	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**16.113.589.567**	**2.371.325.889**	**15**	**132**
I.	**Nguồn ngân sách trong nước**	**16.113.589.567**	**2.371.325.889**	**15**	**132**
1.	**Chi quản lý hành chính**	**10.455.858.443**	**1.658.645.944**	**16**	**182**
1.1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.896.034.911	584.944.767	12	105
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.559.823.532	1.073.701.177	19	304
2.	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1.	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
2.3.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4.	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**288.215.000**	**13.000.000**	**5**	**4**
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	288.215.000	13.000.000	5	4
5.	**Chi bảo đảm xã hội**	**1.050.244.000**	**6.711.000**	**1**	**164**
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.050.244.000	6.711.000	1	164
6.	**Chi hoạt động kinh tế**	**295.474.000**	**45.407.017**	**15**	**96**
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	295.474.000	45.407.017	15	96
7.	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8.	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9.	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10.	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11.	**Quốc phòng**	**2.716.927.124**	**384.862.328**	**14**	**204**
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	487.776.124	43.172.750	9	139
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.229.151.000	341.689.578	15	217
12.	**An ninh và trật tự an toàn xã hội**	**1.306.871.000**	**262.699.600**	**20**	**93**
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.306.871.000	262.699.600	20	93
II.	**II. Nguồn viện trợ**				
III.	**III. Nguồn vay nợ nước ngoài**				

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ và tên)	*(Ký, họ và tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Thân Ngọc Hà	Thân Ngọc Hà	Trần Tấn Trung